

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 12 năm 2021
(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hạ Tuấn; Ông Đặng Viết Côi.
- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Lan, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện UH
Hoà, thành phố Hà Nội.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thuyên, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UH, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2021/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2021/QĐHPT-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- * **Nguyên đơn:** Chị **Phạm Thị T**- sinh năm 1987
Nguyên quán: thôn MT, xã MT, huyện PX, thành phố Hà Nội; Nơi ĐKKHKT: thôn TN, xã ĐL, huyện UH, thành phố Hà Nội.
- * **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn H** - sinh năm 1986
Nguyên quán và nơi ĐKKHKT: thôn TN, xã ĐL, huyện UH, thành phố Hà Nội. (Anh H và chị T đều vắng mặt, chị T có đơn xin vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do).
- * **Người làm chUH:** Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1964; Nơi ĐKKHKT: thôn TN, xã ĐL, huyện UH, thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Phạm Thị T là nguyên đơn trình bày: chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐL năm 2006. Quá trình vợ chồng chung

sống với nhau được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H ham chơi cờ bạc, không chăm lo đến vợ con và gia đình, anh H sống vô trách nhiệm, không tu chí làm ăn, không cùng chị lo lắng công việc gia đình, mọi việc của gia đình từ lo kinh tế, đến chăm con, đối nội đối ngoại cũng dồn hết lên chị. Anh H còn có quan hệ ngoài luồng với nhiều người phụ nữ khác nhưng chị đều bỏ qua cho anh H. Chị đã tha thứ cho anh H rất nhiều lần, chị còn phải trả nợ chơi bời cho anh H cũng rất nhiều lần, chị phải thế chấp cả nhà để lấy tiền trả nợ cho anh H, chị nói khuyên nhủ anh H nhiều nhưng anh H vẫn không thay đổi. Chị nhẫn nhịn sống với anh H vì con cái. Nhưng cách đây khoảng 2 năm do không thể chấp nhận được cuộc sống như này nữa nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ để chị ở, vì bố mẹ chị đã chết nên 3 mẹ con chị đang ở với nhau, anh H cũng theo mẹ con chị về bên nhà bố mẹ để chị ở vài hôm lại về nhà anh H ở ĐL ở, chị đuổi anh H cũng không đi, nhưng anh H vẫn ham chơi bời, lười lao động, không thay đổi một chút nào. Anh chị đã sống ly thân 02 năm nay, đến nay chị nhận thấy tôi không còn tình cảm gì với anh H nữa, chị cảm thấy quá mệt mỏi, chị không thể tiếp tục chung sống với anh H để phải chịu đựng một người chồng như anh H nữa nên chị làm đơn này xin được ly hôn với anh H để giải thoát cho chính chị.

Về con chung: chị và anh H có 02 con chung: Nguyễn Tuấn Anh – sinh ngày 06/7/2007 và Nguyễn Thị Hải Yến – sinh ngày 03/6/2009. Hiện nay, cả hai cháu đều đang ở với chị và cũng đang học ở trường ở PX – Hà Nội. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Hiện nay chị đang làm công nhân khu công nghiệp Đồng Văn – Hà Nam. Tnhập bình quân 1 tháng của chị là khoảng 8.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, anh Nguyễn Văn H là bị đơn trình bày: anh và chị Phạm Thị Ttự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐL năm 2006. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau thỉnh thoảng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, mâu thuẫn xong hai vợ chồng bỏ qua cho nhau rồi lại thôi. Nhưng đến năm 2019 thì mâu thuẫn trở nên căng thẳng hơn, nguyên nhân do anh thừa nhận là anh có ham chơi, chơi đánh bạc nên bị Công an bắt và bị Tòa án xét xử, để lo cho anh, chị Tphải đi vay nợ, sau đó chị Tvà 02 con bỏ về nhà ngoại ở PX ở, anh cũng sang đó ở cùng với vợ và con. Hiện nay cả gia đình anh đều đang ở nhà ngoại của chị Thu. Anh chị vẫn sống chung một nhà. Vì vụ án đánh bạc của anh hiện đang bị kháng cáo nên chưa xét xử phúc thẩm xong, do đó anh chưa làm được thủ tục giấy tờ đi làm ở đâu, anh chỉ ở nhà đi làm lao động tự do, ai thuê làm gì thì

anh làm cái đó. Nay chị Tcó đơn xin ly hôn anh, quan điểm anh nhận ra lỗi lầm của mình, anh cũng đang cố gắng thay đổi bản thân, anh vẫn còn yêu vợ thương con nên anh không đồng ý ly hôn, anh đề nghị Tòa án hòa giải cho hai vợ chồng anh về ở với nhau cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh và chị Tcó 02 con chung: Nguyễn Tuấn Anh – sinh ngày 06/7/2007 và Nguyễn Thị Hải Yến – sinh ngày 03/6/2009. Hiện nay, cả hai cháu đều đang ở với hai vợ chồng anh. Trường H tòa án giải quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị Tphải cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, người làm chUH – bà Nguyễn Thị T1 là mẹ đẻ anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh H và chị Ttự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã ĐL. Cách đây mấy năm, anh H có chơi bời đánh bạc dẫn đến bị bắt và bị xét xử ở Tòa án bên tỉnh Hà Nam, để lo việc cho anh H nên chị Tcũng phải đi vay tiền. Từ đó, anh H và chị Txảy ra mâu thuẫn, chị Tcó nói chuyện với bà về việc xin ly hôn anh H, bà có nói chuyện khuyên nhủ nhưng chị Tvẫn không nghe. Cách đây 3 năm, chị Tcùng hai con bỏ về nhà ngoại sinh sống, anh H cũng đi theo ra đó ở. Tỉnh thoảng lại về nhà bà ở vài hôm lại đi. Thời gian đầu anh H đi làm nhôm kính, nhưng từ khi liên quan đến vụ án đánh bạc bị Tòa án xử, do chưa xử xong nên anh H chưa làm hồ sơ đi làm được, hiện đang ở nhà. Chị Tvà anh H có 02 con chung như trình bày ở trên. Nay chị Tcó đơn xin ly hôn anh H, quan điểm bà đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho anh H và chị Tđoàn tụ về chung sống với nhau nuôi dạy con cái khôn lớn. Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án cũng như các Văn bản tố tụng khác của Tòa án, bà nhận trách nhiệm giao lại ngay trong ngày cho anh H.

Tại biên bản xác minh 02/12/2021, chính quyền địa phương xã ĐL cung cấp: chị Tvà anh H tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã ĐL ngày 12/6/2003 như trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, chị Tchuyển hộ khẩu và chuyển về sinh sống tại nhà anh H ở TN – ĐL - UH – Hà Nội. Vợ chồng anh H chị Tcó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo thông tin từ quần chúng nhân dân là do anh H ham chơi dẫn đến nợ nần. Cách đây khoảng 02 năm chị Tcùng 02 con chung bỏ về nhà ngoại bên PX sinh sống, anh H cũng đi theo vợ con vài hôm, vài hôm lại về ở với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T1 ở TN – ĐL. Theo chUH minh thư nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình, anh H sinh ngày 06/11/1986, tuy nhiên khi đăng ký kết hôn, do có sự sai sót nên trong giấy chUH nhận kết hôn có ghi anh H sinh ngày 06/10/1986.

Tại phiên tòa, anh H và chị Tđều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt

H lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nhưng không thành. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Thu, xử cho chị Được ly hôn anh H; về con chung: giao chị Tnuôi cả 02 con chung; chị Tphải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ-ợc thẩm tra tại phiên Toà, các lời khai, ý kiến trình bày của các đ-ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Thu làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân huyện UH tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền, Tòa án đã triệu tập, làm việc với vợ chồng chị Thu, anh H và giải thích đầy đủ về quyền và nghĩa vụ, lấy lời khai, hòa giải nhưng không thành (ngay sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi giấy triệu tập anh H nhưng anh H không lên Tòa án làm việc, sau đó Tòa án có gọi điện thoại cho anh H, anh H nhận lời lên Tòa án làm việc nhưng sau đó cũng không lên Tòa án theo lịch hẹn, đến ngày 02/12/2021 Tòa án đến nhà mẹ đẻ anh H làm việc, tổng đạt các văn bản tố tụng thì sáng ngày 03/12/2021 mới thấy anh H lên Tòa án làm việc, khai báo và tham gia buổi hòa giải). Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐL, huyện UH ngày 11/9/2006 là hôn nhân H pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, anh H chơi cờ bạc dẫn đến chị T phải đi vay nợ để lo trang trải cho anh H; Sau đó, anh H vẫn không thay đổi, vẫn không quan tâm, chăm sóc đến vợ con và gia đình như chị T mong muốn. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh H ngày càng trở nên căng thẳng hơn, chị T cùng hai con bỏ về nhà ngoại ở PX từ năm 2019, theo chị T trình bày thì hai vợ chồng anh chị sống ly thân 02 năm nay, anh H cũng đi theo mẹ con chị sang đó ở, chị T có đuổi anh H cũng không đi.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh H và chị T là căng thẳng, hôn nhân giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T có quan điểm xin được ly hôn anh H, anh H có quan điểm không đồng ý ly hôn với lý do vẫn còn yêu vợ thương con; Tuy nhiên, thực tế cho thấy, cho đến ngày hôm nay anh H cũng không có động

thái nào thể hiện thiện chí muốn chị Tquay về chung sống với mình, hai vợ chồng không nói chuyện với nhau, tuy anh H vẫn ở nhà ngoại chị Tcùng chị Tvà các con nhưng chị Tkhông còn quan tâm đến anh H, chị chỉ mong Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn xong với anh H để anh H không ở đó đeo bám mẹ con chị nữa. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc anh H không đồng ý ly hôn chỉ khiến cho tình trạng căng thẳng, trầm trọng giữa hai vợ chồng anh kéo dài thêm và cản trở việc chị T xây dựng cuộc sống mới, nên xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Thu, xử cho chị T được ly hôn với anh H là phù H với quy định của Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh H và chị T có 02 con chung là Nguyễn Tuấn Anh – sinh ngày 06/7/2007 và Nguyễn Thị Hải Yến – sinh ngày 03/6/2009. Chị Tvà anh H đều có nguyện vọng trường H Tòa án giải quyết ly hôn thì sau khi ly hôn anh H và chị T đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay chị T đang đi làm công nhân ở khu công nghiệp Đồng Văn với Tnhập bình quân hàng tháng là 8.000.000 đồng/tháng, chị T đã nộp cho Tòa án Giấy xác nhận Tnhập. Còn anh H hiện đang ở nhà, chỉ làm lao động tự do, ai thuê gì làm nấy nên Tnhập không được ổn định. Cả hai con chung hiện đang sinh sống và học tập ở huyện PX, thành phố Hà Nội – nhà ngoại của chị Thu; bên cạnh đó, cả hai con chung đều có đơn trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo điều kiện sống tốt nhất cho cả hai con chung, Hội đồng xét xử giao cả 02 con chung cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; chị T không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh H cho đến khi có yêu cầu hoặc có thay đổi mới là phù H với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: anh H và chị T đều không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T phải nộp án phí, nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự (năm 2015) và căn cứ khoản 1, Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là Nguyễn Tuấn Anh – sinh ngày 06/7/2007 và Nguyễn Thị Hải Yến – sinh ngày 03/6/2009. Sau ly hôn, giao cả hai con chung Nguyễn Tuấn Anh và Nguyễn Thị Hải Yến cho chị Phạm Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh H cho đến khi có yêu cầu mới hoặc có sự thay đổi khác.

Sau ly hôn anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản, công sức, công nợ chung: chị T và anh H đều không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm UH án phí đã nộp theo biên lai số 0057251 ngày 17 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện UH.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt đều có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt đều có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhân:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện UH;
- Chi cục THADS huyện UH;
- UBND xã nơi đã đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu h/s; v/p./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thiện

**Thành viên Hội đồng xét xử
Chủ tọa phiên tòa**

Thẩm phán –